

Name: _____

Class: _____

连接

Tìm nối từ đúng

zōngsè



黑色

hóngrsè



蓝色

hēisè



黄色

lánsè



紫色

huángsè



橙色

lùsè



粉色

chéngsè



绿色

fěnsè



红色

zǐsè



棕色

Name: _____

Class: _____

连接

Nối 2 cột



红色



绿色



黄色



蓝色



棕色

Name: _____

Class: _____

连接

Nối 2 cột



黑色



粉色



棕色



紫色



橙色

Name: _____

Class: _____

连接

Nối 2 cột



黑色



蓝色



黄色



紫色



橙色